

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 356/2024/DS-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đ T T, sinh năm: 1977

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường B, thành phố C M, tỉnh C M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Li H K, sinh năm 1997; Nơi cư: Số ấp H N, xã H T, thành phố C M, tỉnh C M, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (có mặt).

- Bị đơn: Bà N T T, sinh năm: 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 20/9/2023 bà Đ T T có cho bà N T T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Khi vay tiền bà N T T có viết biên nhận và có cam kết hàng tháng sẽ trả lãi. Nhưng sau khi vay bà T không thanh toán được khoản lãi nào. Tuy nhiên, tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu

cầu lãi từ ngày 20/4/2024 đến ngày xét xử là 05 tháng với mức lãi suất 1,6%/tháng = 1.600.000đ.

Đối với bà Đ T T: Mặc dù bà T đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 21.600.000đ. Về án phí dân sự sơ thẩm, đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng bà Đ T T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn 20.000.000đ và lãi phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa bà Đ T T và bà N T T là có diễn ra trong thực tế. Bởi lẽ, tại giấy biên nhận ngày 20/9/2023 đã thể hiện nội dung: “Tôi là N T T có vai mượn. Là Hai chục triệu của bà C. Đặng Thị Thoe ngày 20.3.2023 đóng lãi, hàng tháng...”. Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét bản thân bà T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bà không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, bà cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án. Xét lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên yêu cầu của bà Đ T T về việc buộc bà N T T trả số tiền vốn vay 20.000.000đ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn xác định tại biên nhận nợ thể hiện vay có lãi nhưng không thể hiện lãi là bao nhiêu nhưng nguyên đơn xác định lãi là 2%/tháng và quá trình giao dịch bị đơn chưa trả lãi nhưng tự nguyện giảm lãi chỉ yêu cầu 05 tháng tiền lãi x 1,6%/tháng = 1.600.000đ. Xét thấy mức lãi các đương sự thỏa thuận là vượt quá qui định theo khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự qui định “...lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.. Do đó nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1,6%/tháng x 05 tháng = 1.600.000đ là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã dự nộp án phí nên được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ T T. Buộc bà N T T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ T T khoản nợ tiền vay với tổng số tiền 21.600.000đ. Trong đó: Tiền vốn là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 1.600.000đồng.

Kể từ ngày bà Đ T T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N T T không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà N T T phải chịu 1.080.000 đồng (chưa nộp). Bà Đ T T không phải chịu án phí. Ngày 09/7/2024 bà Đ T T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 508.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0008990) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc